TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/12/2021
V/v "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Việt Trinh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 279/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82A/2021/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hằng E, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp Tân Định, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp Tân Định, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Hằng E trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 1998 do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 04/01/2017. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất hòa, cự cãi với nhau và anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không hàn gắn được với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Thị Ân, sinh ngày 13/12/1998, Nguyễn Ngọc A sinh ngày 23/6/2006 và Nguyễn Ngọc Út M, sinh ngày 18/6/2015. Hiện nay Nguyễn Thị A đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Nguyễn Ngọc A Ái, Nguyễn Ngọc Út M đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hằng E đối với anh T. Về con chung: Nguyễn Thị A đã trưởng thành. Giao con chung Nguyễn Ngọc A Ái, sinh ngày 23/6/2006 và Nguyễn Ngọc Út M, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Hằng E tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xE xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án T tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh T vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Tràn Thị Hằng E có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hằng E và anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: chị Trần Thị Hằng E và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy vào ngày 04/01/2017 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì xảy ra bất hòa, mâu thuẫn với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc do hai bên thiếu sự tin tưởng, yêu thương nhau. Chị Hằng E và anh T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, thì anh chị không có tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tổ chức phiên hòa giải giữa chị Hằng E với anh T nhưng anh T điều vắng mặt qua đó đã thể hiện anh T không muốn hàn gắn cuộc hôn nhân. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Hằng E và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Hằng E yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Hằng E và anh T có 03 con chung tên Nguyễn Thị Ân, sinh ngày 13/12/1998 đã trưởng thành, Nguyễn Ngọc A Ái, sinh ngày 23/6/2006 và Nguyễn Ngọc Út M, sinh ngày 18/6/2015. Từ khi chị Hằng E và anh T sống ly thân thì cháu Ái, cháu M do chị Hằng E nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Hằng E có yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu Ái, cháu M và cháu Ái cũng có nguyện vọng được sống với chị Hằng E. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ái, cháu M của chị Hằng E là phù hợp với quy định tại các Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Hằng E là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là đúng quy định tại Điều 82, 83 107, 116 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đông xét xử chấp nhận và buộc anh

T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ái, cháu M với mức cấp dưỡng 745.000đ/cháu/tháng đến khi cháu Ái, cháu M tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không xE xét giải quyết.

[5]Về nợ chung: Không có nên không xE xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Hằng E phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hằng E được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Ân, sinh ngày 13/12/1998 đã trưởng thành. Giao con chung tên Nguyễn Ngọc A Ái, sinh ngày 23/6/2006 và Nguyễn Ngọc Út M, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Trần Thị Hằng E được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ái, cháu M mỗi tháng 745.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án đến khi cháu Ái, cháu M tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Hằng E có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không xE xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, , không xE xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Chị Trần Thị Hằng E phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0007663 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị Trần Thị Hằng E đã nộp xong.

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Duy Linh